

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

MỤC LỤC

Nội dung

Trang số

Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
 Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Báo cáo của Ban giám đốc

Cho kỳ hoạt động
 Kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là nhà máy Đường Sơn La trực thuộc nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La. Công ty được thành lập theo quyết định số 2761/QĐ- UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 20/02/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 6 ngày 02/11/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SLS

Công ty có trụ sở tại: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La, VN

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó chủ tịch HĐQT
3 Ông Bùi Hưng Thịnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/05/2016)
4 Ông Phạm Như Hóa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/05/2016)
5 Ông Đặng Xuân Phúc	Ủy viên
6 Ông Nguyễn Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/05/2016)
7 Bà Trần Thị Bích Nhi	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/05/2016)

Ban Giám đốc:

1 Ông Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc
2 Ông Bùi Hưng Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04/05/2016)
3 Ông Phạm Như Hóa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2016 miễn nhiệm ngày 15/5/2016)
4 Ông Đặng Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc
5 Bà Nguyễn Thị Khương	P.Trưởng phòng TCKT

Ban Kiểm soát:

1 Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/5/2016)
2 Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15/05/2016)
3 Bà Lưu Thị Thế	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/05/2016)
4 Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên
5 Ông Đặng Tuấn Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/5/2016)

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La *Mr*



Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Hiếu

Sơn La, ngày 30 tháng 07 năm 2016



Số: 152/2016/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được lập ngày 30/07/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 138/2016/BCKT- BCTCTH/CPA VIETNAM ngày 15/3/2016 về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 09 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La giữ 08 bản, công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 4 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tinh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNĐKHNKT số: 0928-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240.161.583.556	162.644.396.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	913.023.046	7.859.638.449
1. Tiền	111		913.023.046	2.859.638.449
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	24.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.331.170.691	112.844.583.566
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4.1	33.867.757.771	3.119.549.871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.2	59.105.587.614	52.885.835.065
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	9.400.000.000	9.400.000.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	65.099.105.900	56.190.098.865
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(9.141.280.594)	(8.750.900.235)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	56.512.493.445	37.253.146.076
1. Hàng tồn kho	141		56.512.493.445	37.253.146.076
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.896.374	4.687.027.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.1	85.791.606	546.110.829
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.675.476	3.263.575.732
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	280.429.292	877.341.408
B. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		166.899.438.162	100.075.501.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		138.672.621.671	87.968.439.447
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	137.786.449.876	86.996.167.652
- Nguyên giá	222		282.685.253.097	220.486.150.162
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(144.898.803.221)	(133.489.982.510)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	886.171.795	972.271.795
- Nguyên giá	228		1.429.666.774	1.429.666.774
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(543.494.979)	(457.394.979)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.605.334.132	8.994.587.213
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	24.605.334.132	8.994.587.213
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		621.482.359	112.474.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.2	621.482.359	112.474.354
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		407.061.021.718	262.719.897.074

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.935.187.133	64.587.104.951
I. Nợ ngắn hạn	310		88.799.811.084	60.166.355.301
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	10.716.765.516	36.308.879.413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	35.459.642.501	11.514.642.501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	2.317.088.928	1.461.980.578
4. Phải trả người lao động	314		7.813.053.393	2.587.105.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	66.433.034	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.113.441.271	654.089.977
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	23.635.006.721	4.626.778.526
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.678.379.720	3.012.879.080
II. Nợ dài hạn	330		49.135.376.049	4.420.749.650
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	49.135.376.049	4.420.749.650
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.125.834.585	198.132.792.123
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	269.125.834.585	198.132.792.123
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.638.028	3.998.638.028
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.607.779.802	31.607.779.802
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		6.800.000.000	5.996.867.306
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		153.719.416.755	88.529.506.987
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		48.226.374.293	53.861.175.939
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		105.493.042.462	34.668.331.048
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		407.061.021.718	262.719.897.074

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hồng

P.Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Khương

Sơn La, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc




Trần Ngọc Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	425.667.570.504	390.245.372.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		425.667.570.504	390.245.372.234
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	310.181.696.679	332.895.385.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.485.873.825	57.349.986.652
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.213.171.880	5.050.977.576
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.416.186.156	128.375.002
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.135.082.986	128.375.002
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.234.908.443	2.733.260.052
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.167.637.018	9.614.900.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		105.880.314.088	49.924.428.476
11. Thu nhập khác	31	VI.7	238.167.227	878.725.032
12. Chi phí khác	32	VI.8	28.526.737	85.138.015
13. Lợi nhuận khác	40		209.640.490	793.587.017
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.089.954.578	50.718.015.493
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	596.912.116	2.528.793.020
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		105.493.042.462	48.189.222.473
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	15.514	7.087

Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thu Hồng

P.Trưởng phòng

(Signature)

Nguyễn Thị Khương

Sơn La, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		400.609.044.627	381.837.668.831
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(270.335.243.427)	(157.097.049.444)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.841.944.808)	(17.963.601.247)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.068.649.952)	(554.587.002)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(4.100.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.1	11.074.696.094	25.385.501.983
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.2	(22.191.519.642)	(202.478.068.704)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.246.382.892	25.029.864.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.137.976.110)	(471.984.060)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(159.050.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		134.326.941.350	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.755.862.419	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69.105.172.341)	(471.984.060)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		105.645.629.985	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118.533.455.939)	(15.000.000.000)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.200.000.000)	(397.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(40.087.825.954)	(15.397.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.946.615.403)	9.160.480.357
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.859.638.449	10.695.294.846
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		913.023.046	19.855.775.203

Sơn La, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

P.Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là nhà máy Đường Sơn La trực thuộc nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La. Công ty được thành lập theo quyết định số 2761/QĐ- UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 20/02/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 6 ngày 02/11/2015.

Công ty có trụ sở tại: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La, VN

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 68.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:	Số cổ phần	Giá trị	Phần trăm
<i>Bà Trần Thị Thái</i>	1.865.320	18.653.200.000	27,43%
<i>Công ty TNHH Thái Liên</i>	1.020.000	10.200.000.000	15,00%
<i>Các cổ đông khác</i>	3.914.680	39.146.800.000	57,57%
Tổng Cộng	6.800.000	68.000.000.000	100%

2 Lĩnh vực kinh doanh: Chế biến, kinh doanh các sản phẩm đường và sau đường; kinh doanh xăng dầu, phân bón, phân đạm.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường (chi tiết : Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết : dịch vụ vận tải);
- Chăn nuôi trâu, bò (chi tiết : Chăn nuôi bò sữa, bò thịt);
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (chi tiết : chế biến sữa, bò thịt);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng , khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết : bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết : cho thuê kho, đại lý ký gửi hàng hóa);
- Sản xuất cồn, nha và nước uống có cồn : sản xuất nước uống không cồn; chế biến các sản phẩm nông sản (trừ chè, cà phê); Kinh doanh các sản phẩm nông sản (trừ chè, cà phê);
- Chế biến thức ăn gia súc; kinh doanh thức ăn gia súc, sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Kinh doanh thương mại; Cung ứng vật tư, nguyên liệu; Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp; Dịch vụ làm đất, nông, lâm nghiệp;
- Sản xuất phân vi sinh; Kinh doanh phân bón các loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, đá, cát, xi măng, sắt thép các loại;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm :

Năm 2015 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Từ năm 2016, căn cứ theo nghị quyết số 59/HĐQT ngày 11/04/2016 năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc ngày 30/06/2016.

Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
 - + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
 - + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

+ Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.

+ Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.

+ Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

+ Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

+ Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình

3 - 50 năm

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

8 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

9 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

16 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LAĐịa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406**Thuyết minh Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
Kết thúc ngày 30/06/2016**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VND)**

1. Tiền	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	146.088.674	428.215.076
Tiền gửi Ngân hàng	766.934.372	2.431.423.373
Tiền gửi ngân hàng VND	766.934.372	2.431.423.373
Ngân hàng NN & PT NT CN Mai Sơn	7.923.462	52.366.627
Ngân hàng TM CP Công Thương Sơn La	394.400.959	2.117.614.804
Ngân hàng TMCP An Bình CN Sơn La	339.884.933	248.248.812
Ngân hàng ĐT & PT Sơn La	5.426.499	5.483.660
Ngân hàng NN & PT NT CN Hoàn Kiếm	1.555.500	1.555.500
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Sơn La	17.743.019	6.153.970
Tiền gửi Ngân hàng USD	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng CT Sơn La		5.000.000.000
Cộng	913.023.046	7.859.638.449
2. Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	24.000.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng Công thương VN - CN Sơn La (1)	15.000.000.000	
Tiền gửi ngân hàng Công thương VN - CN Sơn La (2)	9.000.000.000	
Cộng	24.000.000.000	-

(1) Hợp đồng tiền gửi số PB28065 ngày 24/06/2016, kỳ hạn gửi 6 tháng lãi suất 5,5%/năm

(1) Hợp đồng tiền gửi số PB28064 ngày 23/06/2016, kỳ hạn gửi 6 tháng lãi suất 5,5%/năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động
Kết thúc ngày 30/06/2016

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TT	Đầu tư góp vốn dài hạn vào đơn vị khác	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016				
		Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	10,00%	3.000.000.000		3.000.000.000	10,00%	3.000.000.000		3.000.000.000
	Cộng		3.000.000.000	-	3.000.000.000		3.000.000.000	-	3.000.000.000

3. Phải thu về cho vay

TT	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016				
		Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Công ty CP XD Cầu Đường 19 (1)		1.400.000.000	(980.000.000)	420.000.000		1.400.000.000	(700.000.000)	700.000.000
2	Công ty CP Nhựa Trường Thịnh (2)		5.000.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000		5.000.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000
3	Công ty CP Xi măng Bắc Kạn (3)		3.000.000.000	(3.000.000.000)	-		3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
	Cộng		9.400.000.000	(6.480.000.000)	2.920.000.000		9.400.000.000	(6.200.000.000)	3.200.000.000

(1) Hợp đồng cho vay vốn số 79/HHTD-ĐSL ngày 14/08/2012 kỳ hạn vay 3 tháng, lãi suất 13%/năm. Mục đích vay để thi công xây dựng. Sau nhiều lần gia hạn HĐ hết hạn ngày 30/06/2014.

(2) Hợp đồng vay vốn số 55/HHTD-ĐSL ngày 06/05/2013 số tiền là 3.000.000.000 đồng, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 12%/năm đã được gia hạn trả nợ đến ngày 06/11/2014.

Hợp đồng vay vốn số 111/HHTD-ĐSL ngày 06/09/2013 số tiền là 2.000.000.000 đồng, kỳ hạn 1 năm, lãi suất 10%/năm đã được gia hạn trả nợ đến ngày 09/09/2014.

(3) Hợp đồng cho vay số 46/2010/HHTD-ĐSL ngày 04/02/2010, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất vay 13%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Khách hàng khác 17.860.207.943 (782.852.935) 14.756.357.120 (782.852.935)

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5. Phải thu khác				
Phải thu khác ngắn hạn	65.099.105.900	-	56.190.098.865	-
<i>a Phải thu khác - TK 138</i>	<i>64.580.065.560</i>	-	<i>55.898.794.422</i>	-
- <i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>64.580.065.560</i>	-	<i>55.898.794.422</i>	-
Xí nghiệp nguyên liệu	63.876.829.521	-	55.718.422.709	-
Cửa hàng xăng dầu	488.593.055	-	-	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	35.875.727	-	-	-
Các đối tượng khác	178.767.257	-	180.371.713	-
- <i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>b Phải thu về tạm ứng</i>	<i>519.040.340</i>	-	<i>291.304.443</i>	-
6 Nợ xấu				

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

11.901.012.935	2.759.732.341	11.950.899.935	3.199.999.700
Quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn từ 3 năm trở lên
	5.000.000.000	1.400.000.000	3.000.000.000

Trong đó:

Công ty CP Xi măng Bắc Kạn			
Công ty CP XD Cầu Đường 19			
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh			
Công ty TNHH Bình Anh			1.400.000.000
Công ty TNHH Bình Anh			392.550.000
Xí nghiệp nguyên liệu			370.302.935

Trần Thị Lưu 176.000.000
 Công ty CP TM & DV Sơn Nam 80.000.000
 Công ty TNHH Thương mại Ngọc Quỳnh 62.160.000
 Công ty TNHH TM -XNK Thiết bị vật tư MKC 20.000.000

Cộng 11.901.012.935 2.759.732.341 11.950.899.935 3.219.999.700

7. Hàng tồn kho	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.680.013.532		12.446.810.801	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-		2.486.980.762	
Thành phẩm	42.260.442.752		21.585.227.894	
Hàng hóa	572.037.161		734.126.619	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	56.512.493.445	-	37.253.146.076	-



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu kỳ	71.086.526.473	145.131.748.282	2.452.474.521	1.362.673.613	452.727.273	220.486.150.162
- Mua trong kỳ	3.667.290.908	56.103.100.027	2.322.700.000	106.012.000	-	62.199.102.935
- XDCB hoàn thành					-	-
- Tăng khác					-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	74.753.817.381	201.234.848.309	4.775.174.521	1.468.685.613	452.727.273	282.685.253.097
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	46.166.977.294	84.665.608.671	1.637.444.168	1.019.952.377	-	133.489.982.510
- Khấu hao trong kỳ	2.576.425.599	8.563.783.241	172.826.875	20.330.451	75.454.545	11.408.820.711
- Tăng khác					-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	48.743.402.893	93.229.391.912	1.810.271.043	1.040.282.828	75.454.545	144.898.803.221
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	24.919.549.179	60.466.139.611	815.030.353	342.721.236	452.727.273	86.996.167.652
- Tại ngày cuối kỳ	26.010.414.488	108.005.456.397	2.964.903.478	428.402.785	377.272.728	137.786.449.876

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh S Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyên sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	864.984.705	564.682.069	1.429.666.774
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	864.984.705	564.682.069	1.429.666.774
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
1. Số dư đầu kỳ	-	457.394.979	457.394.979
2. Số tăng trong kỳ	-	86.100.000	86.100.000
- Khấu hao trong năm	-	86.100.000	86.100.000
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	543.494.979	543.494.979
Giá trị còn lại		-	-
1. Tại ngày đầu kỳ	864.984.705	107.287.090	972.271.795
2. Tại ngày cuối kỳ	864.984.705	21.187.090	886.171.795

10. Chi phí XDCB dở dang:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Mua sắm TSCĐ	-	-
XDCB dở dang	24.605.334.132	8.994.587.213
Cộng	24.605.334.132	8.994.587.213

11. Chi phí trả trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
11,1 Chi phí trả trước ngắn hạn	85.791.606	546.110.829
Chi phí sửa chữa	85.791.606	505.802.996
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	-	40.307.833
11,2 Chi phí trả trước dài hạn	621.482.359	112.474.354
Chi phí sửa chữa tường kho thành phẩm	-	112.474.354
Giải phóng mặt bằng bãi phế thải xây dựng, bãi ủ phân vi sinh, phá dỡ hàng rào, nhà vệ sinh	112.217.728	-
Sửa chữa bãi xe chở mía nguyên liệu	415.923.269	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh S Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

	Cải tạo nhà nấu đường		93.341.362		-
12.	Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)				
13.	Phải trả người bán		30/06/2016		01/01/2016
			VND		VND
	<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		<i>10.716.765.516</i>		<i>36.308.879.413</i>
<i>a</i>	<i>Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>		<i>10.646.352.316</i>		<i>36.308.879.413</i>
	XN Nguyên liệu		46.996.072		23.755.450.057
	Công ty cổ phần Công nghiệp Hiệp Thành		5.803.390.035		-
	Công ty TNHH Đức Toàn Tiến		3.094.066.064		900.343.824
	Khách hàng khác		1.701.900.145		11.653.085.532
<i>b</i>	<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>		<i>70.413.200</i>		<i>-</i>
	Công ty TNHH Kim Hà Việt		70.413.200		-
	<i>Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán</i>				
14.	Người mua trả tiền trước		30/06/2016		01/01/2016
			VND		VND
	<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		<i>35.459.642.501</i>		<i>11.514.642.501</i>
<i>a</i>	<i>Người mua trả tiền trước không là các bên liên quan</i>		<i>24.867.827.501</i>		<i>14.642.501</i>
	Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt		7.778.085.000		
	Công ty Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		17.075.100.000		-
	Các đối tượng khác		14.642.501		14.642.501
<i>b</i>	<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>		<i>10.591.815.000</i>		<i>11.500.000.000</i>
	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Liên		10.591.815.000		11.500.000.000
15.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
<i>a.</i>	Thuế và các khoản phải nộp NN	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Thuế GTGT nội địa		5.904.531.067	5.252.221.776	652.309.291
	Thuế GTGT XK		1.138.966.123	1.138.966.123	-
	Thuế XNK		22.110.480	22.110.480	-
	Thuế TNCN	1.461.980.578	1.290.107.238	1.429.055.704	1.323.032.112
	Thuê nhà đất và tiền thuê đất		683.495.050	341.747.525	341.747.525

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh S Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác		225.700.000	225.700.000	-
Cộng	1.461.980.578	9.267.909.958	8.412.801.608	2.317.088.928
b. Thuế và các khoản phải thu NN	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế TNDN	877.341.408	596.912.116		280.429.292
Cộng	877.341.408	596.912.116	-	280.429.292
16. Chi phí phải trả			30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Chi phí lãi vay phải trả			66.433.034	
Cộng			66.433.034	-
17. Các khoản phải trả khác			30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
Ngắn hạn			2.113.441.271	654.089.977
Kinh phí công đoàn			200.213.422	9.445.182
Bảo hiểm xã hội			2.593.819	21.651.163
Xí nghiệp nguyên liệu			1.138.956.871	-
Cửa hàng xăng dầu công ty			198.620.009	-
Đỗ Đình Nghị			115.277.000	-
Phải trả, phải nộp khác			250.519.518	29.373.000
Nhận kí quỹ, kí cược			207.260.632	593.620.632
Cộng			2.113.441.271	654.089.977

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
 Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
 Kết thúc ngày 30/06/2016

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác thuộc vốn CSH	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	3.998.638.028	29.033.718.251	5.996.867.306	58.793.258.000	165.822.481.585
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					78.868.331.048	78.868.331.048
- Tăng khác			2.574.061.551			2.574.061.551
- Giảm vốn năm trước						-
- Chi trả cổ tức					44.200.000.000	44.200.000.000
- Giảm khác năm trước					4.932.082.061	4.932.082.061
2. Số dư cuối năm trước	68.000.000.000	3.998.638.028	31.607.779.802	5.996.867.306	88.529.506.987	198.132.792.123
3. Số dư đầu kỳ này	68.000.000.000	3.998.638.028	31.607.779.802	5.996.867.306	88.529.506.987	198.132.792.123
- Tăng vốn trong kỳ này						-
- Lãi trong kỳ					105.493.042.462	105.493.042.462
- Tăng khác			5.000.000.000	803.132.694		5.803.132.694
- Giảm vốn trong kỳ						-
- Giảm do trích lập quỹ					13.103.132.694	13.103.132.694
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ					27.200.000.000	27.200.000.000
- Giảm khác trong kỳ						-
4. Số dư cuối kỳ	68.000.000.000	3.998.638.028	36.607.779.802	6.800.000.000	153.719.416.755	269.125.834.585

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bà Trần Thị Thái	18.653.200.000	18.653.200.000
Công ty TNHH Thái Liên	10.200.000.000	10.200.000.000
Các cổ đông khác	39.146.800.000	39.146.800.000
Cộng	68.000.000.000	68.000.000.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:		
	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	68.000.000.000	68.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	68.000.000.000	68.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	27.200.000.000	44.200.000.000
D. Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.800.000	6.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.800.000	6.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.800.000	6.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.800.000	6.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.800.000	6.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
E. Cổ tức	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	60%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
F. Các quỹ doanh nghiệp	30/06/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	36.607.779.802	31.607.779.802
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.800.000.000	5.996.867.306

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri	378.653.279.524	328.914.326.279
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	8.534.776.556	9.520.966.000
Doanh thu xăng dầu	9.202.739.526	20.105.750.208
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu	27.191.676.116	26.610.478.891
Doanh thu tro lò	371.038.054	342.557.024
Doanh thu nông sản	631.130.749	3.485.144.607
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.082.929.979	1.266.149.225
Cộng	425.667.570.504	390.245.372.234
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn sản phẩm đường, mật ri	268.532.743.365	279.148.990.323
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	6.176.762.495	5.161.264.963
Giá vốn xăng dầu	8.654.464.224	19.353.480.063
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	25.820.651.581	25.386.092.815
Giá vốn nông sản	134.616.250	2.696.766.753
Giá vốn vận chuyển	374.125.731	-
Giá vốn khác	488.333.034	1.148.790.665
Cộng	310.181.696.680	332.895.385.582
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.508.296	875.381.136
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	2.365.586.533	4.175.596.440
Lãi từ trả chậm tiền hàng	1.034.077.051	-
Lãi từ cổ tức được chia	720.000.000	-
Cộng	4.213.171.880	5.050.977.576
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	2.135.082.986	128.375.002
Chi phí tài chính khác	281.103.170	-
Cộng	2.416.186.156	128.375.002
5. Chi phí bán hàng		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

Chi phí nhân viên	327.515.805	332.779.286
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	-	1.100.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	57.315.627	60.520.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.828.717.011	2.129.307.549
Chi phí bằng tiền khác	21.360.000	209.552.555
Cộng	2.234.908.443	2.733.260.052
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí nhân viên quản lý	4.387.992.204	5.795.628.137
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	310.896.920	1.141.688.762
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.255.091	129.165.773
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	618.083.462	463.781.697
Thuế, phí và lệ phí	256.846.084	297.845.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.989.415	984.415.896
Chi phí dự phòng	160.267.359	802.374.442
Chi phí khác bằng tiền	3.090.306.483	
Cộng	9.167.637.018	9.614.900.698
7. Thu nhập khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Hỗ trợ bán hàng thuốc BVTV	169.852.000	-
Thanh lý vật tư tồn kho	57.403.636	61.203.294
Xử lý số dư kiểm kê, xử lý các khoản phải trả	8	783.192.146
Thu nhập khác	10.911.583	34.329.592
Cộng	238.167.227	878.725.032
8. Chi phí khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí phạt thuế	27.086.733	-
Chi phí khác	1.440.004	85.138.015
Cộng	28.526.737	85.138.015
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	106.089.954.578	50.718.015.493
<i>Trong đó</i>		
- Thu nhập chịu thuế	2.984.560.580	11.494.513.727
- Thu nhập không chịu thuế	103.105.393.998	39.223.501.766
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

	596.912.116	2.528.793.020
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	259.371.033.631	294.865.205.655,0
Chi phí nhân viên	23.821.057.416	21.382.545.614
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.417.986.211	19.536.014.301
Thuế, phí, lệ phí	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.798.649.217	3.115.915.075
Chi bằng tiền khác	6.467.133.548	1.012.000.641
Trích lập dự phòng	160.267.359	
Cộng	304.036.127.382	339.911.681.286
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	105.493.042.462	48.189.222.473
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	6.800.000	6.800.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	6.800.000	6.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.514	7.087

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND
1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11.074.696.094
Thu lại tạm ứng	8.337.821.056
Thu thuế thu nhập cá nhân	6.212.843
Thu từ các khoản phải thu TK 138	86.010.988
Thu lại tiền ứng mua mía và tiền ứng trả người bán	2.397.387.749
Thu hỗ trợ bán thuốc BVTV	169.852.000
Thu các khoản hoàn thuế, lương và khác	77.411.458
2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	22.191.519.642
Chi tạm ứng	8.966.156.953
Chi ký quỹ, ký cược, đặt cọc	388.360.000
Chi cho dân vay	218.774.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

Chi nộp BH, trợ cấp và các khoản trả khác (TK 338)	3.517.364.206
Chi khen thưởng phúc lợi	2.019.951.360
Chi nộp thuế GTGT	6.391.187.899
Chi nộp thuế TNCN	293.340.482
Chi nộp thuế đất	341.747.525
Các khoản chi khác	54.637.217

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai.

Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	913.023.046	913.023.046
- Các khoản phải thu ngắn hạn	167.472.451.285	158.331.170.691

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công nợ tài chính tại
30/06/2016**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	10.716.765.516	-	10.716.765.516
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.113.441.271	-	2.113.441.271
Chi phí phải trả	66.433.034	-	66.433.034
Vay và nợ thuê tài chính	23.635.006.721	49.135.376.049	72.770.382.770

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan****Mối quan hệ**

Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt

CTHDQT Kim Hà Việt là cựu ruột Đặng Việt Anh

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Liên

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

Đặng Việt Anh là CTHDQT

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
--	---------------------------------	---------------------------------

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Liên

67.990.266.663

17.842.582.855

Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt

122.470.738.568

12.563.325.000

Cộng**190.461.005.231****30.405.907.855****2.3. Mua hàng hóa dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
--	---------------------------------	---------------------------------

Công ty TNHH Kim Hà Việt

64.012.000

Cộng**64.012.000****-****2.4. Các khoản phải thu****Tại ngày 30/06/2016****Tại ngày
01/01/2016**

Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt

32.035.229.553

1.285.800.053

2.5. Các khoản phải trả**Tại ngày 30/06/2016****Tại ngày
01/01/2016**

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Liên (dư có TK131)

32.054.000

139.656.000

Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt (TK331)

70.413.200

-

Cộng**102.467.200****139.656.000****2.6 Thu nhập HDQT và BKS****Tại ngày 30/06/2016****Tại ngày
01/01/2016**

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

201.000.000

174.000.000

Ban Giám đốc

417.922.123

490.923.076

3 Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Kết thúc ngày 30/06/2016

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh sản xuất: đường, mật ri, sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men...

Kinh doanh thương mại: Bán thành phẩm, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Sản phẩm đường, mật ri	378.653.279.524	277.749.950.155	100.903.329.369
Sản xuất SP vi sinh, phân bón ủ men	8.534.776.556	6.736.904.039	1.797.872.517
Cửa hàng xăng dầu (bao gồm VC)	9.576.865.256	9.483.418.701	93.446.555
Phân bón, thuốc trừ sâu, BVTV	27.191.676.116	26.389.249.457	802.426.659
Máy cày đất	603.052.000	608.989.626	(5.937.626)
Nông sản	633.654.749	593.654.749	40.000.000
Tro lò	371.038.054	-	371.038.054
Mía giống	59.387.115	79.680.421	(20.293.306)
Hoạt động sản xuất khác	4.495.099.233	2.387.026.977	2.108.072.256
Cộng	430.118.828.603	324.028.874.125	106.089.954.478

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/6/2015 và 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Sơn La, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

P. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

Phụ lục 01**12 Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	23.635.006.721	23.635.006.721	137.541.684.134	118.533.455.939	4.626.778.526	4.626.778.526
Ngân hàng Công thương CN Sơn La (1)	23.635.006.721	23.635.006.721	135.426.267.134	116.418.038.939	4.626.778.526	4.626.778.526
Ngân hàng MB CN Sơn La	-	-	2.115.417.000	2.115.417.000	-	-
Vay dài hạn	49.135.376.049	49.135.376.049	44.714.626.399	-	4.420.749.650	4.420.749.650
Ngân hàng Công thương CN Sơn La (2)	49.135.376.049	49.135.376.049	44.714.626.399	-	4.420.749.650	4.420.749.650
Tổng cộng	72.770.382.770	72.770.382.770	182.256.310.533	118.533.455.939	9.047.528.176	9.047.528.176

(1) Hợp đồng số 19.17/2015 - HĐTDHM/NHCT 190 - CTCP MĐSL ngày 24/08/2015 hợp đồng vay từ ngày 18/08/2015 đến 1/08/2016, hạn mức tín dụng :

85.000.000.000 VNĐ, lãi suất theo từng khế ước vay. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất và kinh doanh. Tài sản đảm bảo : toàn bộ tài

sản bảo đảm hiện có là máy móc thiết bị, dây truyền sản xuất theo HĐTC số 04.29/2013/ HĐTC - ĐS ngày 20/11/2013 QSD đất số I597834 các nhà xưởng,

văn phòng làm việc và các tài sản gắn liền với đất theo HĐTC số 04.29A/2013/HĐTC - BDS ngày 20/11/2013. Trả lãi ngày 25 hàng tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Địa chỉ: km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Điện thoại: (0223) 843 274 - Fax: (0223) 843 406

Hợp đồng vay : Số 22.17/2015 - HĐTDDA/ NHCT 190 - CTCPMDSL ngày 01/12/2015 thời gian vay : 60 tháng, lãi suất theo từng khế ước vay. Hạn mức

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

vay: 96.000.000.000VNĐ. Mục đích vay : đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La. Tài sản thế chấp : toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị, công trình trên đất, các tài sản khác từ dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La. Ngày trả lãi : 27 hàng tháng.